

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu vật tư y tế film, nẹp vít răng hàm mặt, phẫu thuật mắt, bơm tiêm, nội soi khớp, khớp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 và Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định 1702/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt phương án tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung cấp địa phương thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2023-2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt mua sắm vật tư y tế: film, nẹp vít răng hàm mặt, phẫu thuật mắt, bơm tiêm, nội soi khớp, khớp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

*Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa Quảng Nam tại Tờ trình số 3332/TTr-BV ngày 15/12/2023 và Sở Y tế tại Tờ trình số 315/TTr-SYT ngày 18/12/2023 (kèm theo Báo cáo số 3149/BC-HĐTD ngày 18/12/2023 của Hội đồng thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2023 của Sở Y tế).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm vật tư y tế film, nẹp vít răng hàm mặt, phẫu thuật mắt, bơm tiêm, nội soi khớp, khớp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với những nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật tư y tế film, nẹp vít răng hàm mặt, phẫu thuật mắt, bơm tiêm, nội soi khớp, khớp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Tổng giá trị gói thầu: 127.231.556.275 đồng (Một trăm hai mươi bảy tỷ, hai trăm ba mươi một triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

*\* Mức Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định, chi phí vận chuyển, bảo quản, giao hàng đến kho của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

3. Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị năm 2023.

4. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

7. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023.

8. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

## 1. Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam

- Chịu trách nhiệm về danh mục chi tiết, thông số kỹ thuật, số lượng từng mặt hàng, mức giá đề xuất; căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiến hành lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai, cạnh tranh (có nhiều hãng tham gia trong một chủng loại mặt hàng mua sắm), minh bạch, đúng quy định. Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu mua sắm trên, thông báo và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký kết thỏa thuận với nhà thầu dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt; giám sát, điều tiết quá trình thực hiện thỏa thuận, hợp đồng của các nhà thầu được lựa chọn; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hóa chất, vật tư y tế; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; báo cáo kết quả thực hiện và gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho Sở Tài chính, Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm về quy trình, trình tự thủ tục, pháp lý và giá trình phê duyệt đấu thầu; lưu các hồ sơ minh chứng trong quá trình lập các hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam đảm bảo quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý các phát sinh vướng mắc (nếu có).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Tuấn**

**Phụ lục**

**GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ: FILM, NỆP VÍT RĂNG HÀM MẶT, PHẪU THUẬT MẮT, BƠM TIÊM, NỘI SOI KHỚP, KHỚP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2023**

*Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam*

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Phim X Quang nhiệt 25X30cm	-Kích thước: 25 x 30cm -Công nghệ in: nhiệt -Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	23.000	106.000	2.438.000.000
2	Phim X Quang nhiệt 20X25cm	- Kích thước: 20 x 25cm - Công nghệ in: nhiệt - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	16.250	357.500	5.809.375.000
3	Phim X Quang nhiệt 35X43cm	-Kích thước: 35 x 43cm -Công nghệ in: nhiệt -Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	39.500	72.200	2.851.900.000
4	Phim X Quang laser 25x30cm	-Kích thước: 25 x30cm - Công nghệ in: Laser -Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	23.750	171.400	4.070.750.000
5	Phim X quang laser 20 x25cm	-Kích thước 20x25 cm - Công nghệ in: Laser - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS □	Tấm	16.750	284.750	4.769.562.500
6	Phim X quang laser 35x43cm	- Kích thước 35x43 cm - Công nghệ in: Laser Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	39.750	72.200	2.869.950.000
7	Phim x quang 30x40	- Kích thước: 30cm x 40cm - Phim X quang ướt siêu nhạy - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Tấm	14.500	11.200	162.400.000
8	Nẹp mặt titan mini thẳng 4 lỗ	- Dày ≥ 1.0 mm. - Dùng vít có đường kính 2.0 mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	600.000	220	132.000.000
9	Nẹp mặt titan mini 4 lỗ bắc cầu ngắn	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	600.000	110	66.000.000
10	Nẹp mặt titan mini chữ L 4 lỗ (trái + phải) bắc cầu ngắn	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	890.000	50	44.500.000
11	Nẹp mặt titan mini thẳng 6 lỗ	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	600.000	245	147.000.000
12	Nẹp mặt titan mini chữ C 6 lỗ	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	1.300.000	25	32.500.000
13	Nẹp mặt chữ C 8 lỗ cho vít 2.0mm	- Nẹp chữ C 8 lỗ dùng cho vít chữ thập đường kính 2.0mm - Dày ≥ 1.0mm - Chất liệu: Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS □	Cái	1.400.000	10	14.000.000
14	Nẹp mặt titan mini thẳng 8 lỗ	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	600.000	170	102.000.000
15	Nẹp mặt titan mini thẳng 16 lỗ	- Dày ≥ 1.0 mm - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	728.000	35	25.480.000
16	Nẹp mini chữ X	-Nẹp mặt chữ X 4 lỗ - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Dày ≥ 1.0mm - Chất liệu Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS □	Cái	1.300.000	5	6.500.000
17	Nẹp mini chữ Y	-Nẹp mini chữ Y - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Dày ≥ 1.0mm - Chất liệu Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	1.300.000	5	6.500.000
18	Nẹp mặt chữ Z quay trái, phải, bắc cầu ngắn, dài 4 lỗ cho vít 2.0mm	-Nẹp mini chữ Z - Dùng vít có đường kính 2.0 mm - Dày ≥ 1.0mm - Chất liệu Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	1.200.000	5	6.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
19	Vít titan mini đk 2.0 mm x 06 mm	- Vít chữ thập đường kính 2.0mm - Dài ≥ 4mm - Chất liệu hợp kim Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	198.000	3.300	653.400.000
20	Vít titan mini đk 2.0 mm x 08 mm	- Vít chữ thập đường kính ≥ 2.0mm - Dài ≥ 4mm - Chất liệu hợp kim Titanium - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Thanh/ Cái	198.000	1.400	277.200.000
21	Mũi khoan thép các cỡ	- Các cỡ .Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	380.000	60	22.800.000
22	Mũi khoan xương các cỡ	- Đường kính ≥ 2.5mm - Dài ≥ 150mm - Chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	380.000	22	8.360.000
23	Mũi khoan răng -hàm -mặt	- Mũi khoan răng, kích cỡ 1.2x70mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, 2 CFS	Cái	1.460.000	70	102.200.000
24	Chất nhuộm bao dùm trong phẫu thuật mắt.	- Thành phần: Trypan blue 0.06% - Dung tích ≥ 1ml - Đóng gói: Vô khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS.	Lọ	159.000	950	151.050.000
25	Dao mổ Phaco 15 độ	- Dao mổ Phaco khoảng 15 độ. - Lưỡi dao bằng thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	70.000	1.050	73.500.000
26	Dao mổ mắt 2.8mm	- Dao mổ ≥ 2.8mm - Chất liệu: lưỡi thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	145.000	100	14.500.000
27	Dao mổ Phaco 2,2mm, 2,8mm-3.0mm-3,2mm	- Dao mổ Phaco - Lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước ≥ 2.2mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	145.000	1.050	152.250.000
28	Đầu Tip Phaco	- Sử dụng cho máy mổ Phaco ≥ 2,8mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ , cái	14.600.000	4	58.400.000
29	Dịch nhầy	- Thành phần: Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) - Hàm lượng: ≥ 2.0% - Dung tích ≥ 2ml/1xilanhh - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Lọ	80.000	900	72.000.000
30	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	-Thành phần: Sodium Hyaluronate - Hàm lượng: ≥ 1.6% - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Ống	370.000	2.200	814.000.000
31	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	- Là chất nhầy kết dính gồm 2 ống - Thành phần là Sodium Hyaluronate phối hợp với thành phần khác - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Hộp	600.000	150	90.000.000
32	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco	- Thành phần Hydroxyl Propyl Methyl Cellulose ≥ 2,4% - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Lọ, ống	245.000	500	122.500.000
33	Thủy tinh thể nhân tạo 3 tiêu cự, mềm, một mảnh, ky nước	- Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. - Thiết kế: 1 mảnh, 4 càng, 3 tiêu cự, phi cầu. - Khả năng lọc: lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh. - Dài công suất : từ +10.0D đến +30.0D - Kích thước vết mổ: Kính qua được vết mổ: ≤ 2.8mm. - Dụng cụ đặt kính Lắp sẵn hoặc không lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Cái	22.500.000	52	1.170.000.000
34	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự	- Chất liệu đồng trùng hợp Acrylic ngâm nước, mềm, phi cầu, đa tiêu nhiều xạ, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím - Công suất bổ sung: +3.0D - Thiết kế phi cầu, 4 càng - Dài công suất từ 10.0 đến 35.0D - Kính đặt qua vết mổ ≤ 1.8 mm - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Cái	8.600.000	10	86.000.000
35	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự	-Thủy tinh thể nhân tạo mềm 5 tiêu cự, lọc màu vàng tím tự nhiên -Chất liệu Acrylic ngâm nước , thiết kế 4 càng - Dài công suất từ 10.0 đến 30.0D - Kính đặt qua vết mổ ≤ 1.8 mm - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính . - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	19.500.000	5	97.500.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
36	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu, mềm, một mảnh, ky nước, phối hợp kéo dài tiêu cự	- Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. -Thiết kế: 1 mảnh, đa tiêu cự, kéo dài tiêu cự, phi cầu. - Khả năng lọc: lọc tia UV. Dải công suất, bước nhảy: - công suất: từ +5.0D đến +34.0D - Kích thước vết mờ: Kính qua được vết mờ: ≤ 2.8mm - Dụng cụ đặt kính: Lắp sẵn hoặc không lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Chiếc	25.000.000	30	750.000.000
37	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, 1 mảnh, lọc ánh sáng xanh, lọc tia UV -Chất liệu: Hydrophobic Acrylic. -Dải công suất từ 11.0D đến 30.0D. -Kích thước vết mờ ≤ 2.2mm -Thủy tinh thể cài đặt sẵn sử dụng một lần. -Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	2.500.000	100	250.000.000
38	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu	-Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 cầng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím -Chất liệu: Hydrophobic Acrylic. - Công suất từ -5.0D đến 35.0D -Kích thước vết mờ ≤ 2.2mm -Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	2.965.000	400	1.186.000.000
39	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh, ky nước	- Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. - Thiết kế: 1 mảnh, đơn tiêu, phi cầu. - Khả năng lọc: Màu vàng, lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh - Dải công suất: -10.0D đến +30.0D -Kích thước vết mờ: Kính qua được vết mờ: ≤ 2.8mm. -Dụng cụ đặt kính Lắp sẵn hoặc không lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có 2CFS	Cái	2.965.000	1.150	3.409.750.000
40	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 3 mảnh, ky nước	-Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. -Thiết kế: 3 mảnh, đơn tiêu, phi cầu. -Khả năng lọc: Lọc tia UV. -Dải công suất: +10.0D đến +30D. - Kích thước vết mờ: Kính qua được vết mờ: ≤ 2.8mm. -Dụng cụ đặt kính: Không lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Chiếc	3.250.000	930	3.022.500.000
41	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 3 mảnh, ky nước	- Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. -Thiết kế: 3 mảnh, đơn tiêu, cầu - Khả năng lọc: Lọc tia UV. - Dải công suất từ -10.0D đến +30D - Kích thước vết mờ: Kính qua được vết mờ: ≤ 2.8mm. - Dụng cụ đặt kính: Không lắp sẵn, kèm dụng cụ đặt kính - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Chiếc	2.200.000	100	220.000.000
42	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu.	- Chất liệu: Acrylic ky nước, mềm. - Thiết kế: 1 mảnh, đơn tiêu, phi cầu. - Khả năng lọc: Lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh, tăng cường thị lực trung gian - Dải công suất từ +10D đến +30D - Kích thước vết mờ: Kính qua được vết mờ: ≤ 2.8mm - Dụng cụ đặt kính: Lắp sẵn hoặc không lắp sẵn kèm theo dụng cụ đặt kính -Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	5.200.000	220	1.144.000.000
43	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự kèm dụng cụ đặt nhân	-Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu chất liệu Hydrophobic acrylic - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV -Thủy Tinh thể có màu vàng. -Thiết kế 4 cầng - Thủy tinh thể được lắp sẵn -Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Cái	2.500.000	400	1.000.000.000
44	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu: - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (Hydrophobic acrylic). - Lọc tia UV. - Sử dụng được cho vết mờ: ≤ 2,8mm. - Dụng cụ đặt: Kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể hoặc thủy tinh thể được lắp sẵn. -Đạt tiêu chuẩn ISO , có 2 CFS	Cái	11.300.000	10	113.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
45	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu tăng cường tâm nhìn trung gian.	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu: - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (Hydrophobic acrylic) - Lọc tia UV. - Dải công suất: từ $\leq +10D$ đến $\geq +30D$ . - Sử dụng được cho vết mổ: $\leq 2,8mm$ . - Dụng cụ đặt: Kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể hoặc thủy tinh thể được lắp sẵn. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2 CFS	Cái	5.200.000	110	572.000.000
46	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 2 càng, lọc tia UV và lọc ánh sáng xanh.	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 2 càng - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (Hydrophobic acrylic). - Lọc tia UV và lọc ánh sáng xanh. - Dải công suất: từ $\leq +10D$ đến $\geq +30D$ . - Sử dụng được cho vết mổ: $\leq 2,8mm$ . - Dụng cụ đặt: Kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể hoặc thủy tinh thể được lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	3.200.000	400	1.280.000.000
47	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 2 càng, lọc tia UV.	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 2 càng - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (Hydrophobic acrylic) - Lọc tia UV. - Dải công suất: từ $\leq +10D$ đến $\geq +30D$ . - Sử dụng được cho vết mổ: $\leq 2,8mm$ . - Dụng cụ đặt: Kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể hoặc thủy tinh thể được lắp sẵn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	1.520.000	1.100	1.672.000.000
48	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 4 càng hoặc càng 4 điểm tựa, lọc tia UV và lọc ánh sáng xanh.	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh 4 càng hoặc càng 4 điểm tựa: - Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (Hydrophobic acrylic) - Đường kính Optic: từ 5.50mm đến 6.50mm.. - Lọc tia UV và lọc ánh sáng xanh. - Dải công suất: từ $\leq +10D$ đến $\geq +30D$ . - Sử dụng được cho vết mổ: $\leq 2,8mm$ . - Dụng cụ đặt: Kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể hoặc thủy tinh thể được lắp sẵn. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	2.500.000	300	750.000.000
49	Vòng căng bao thủy tinh thể các loại, các cỡ	Vật liệu PMMA(polymethyl methacrylate) - Đường kính $\geq 11mm$ ; Đường kính nén: $\geq 9mm$ ; Vô trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO □	Cái	450.000	15	6.750.000
50	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2" - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	700	246.000	172.200.000
51	Bơm tiêm insulin 1ml	- Kim có thành mỏng, mặt kim cắt vát 3 mặt, bề mặt kim phủ Silicon. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.890	9.000	17.010.000
52	Bơm tiêm nhựa 3ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	730	633.700	462.601.000
53	Bơm tiêm nhựa 5ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	730	2.509.000	1.831.570.000
54	Bơm tiêm nhựa 10ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.100	1.076.250	1.183.875.000
55	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 20ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, đầu xoắn, cỡ kim 23G; 25G. - Không chứa độc tố DEHP. - Đóng túi vô trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.980	600	1.188.000
56	Bơm tiêm nhựa 20ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.980	306.900	607.662.000
57	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml	- Bơm tiêm nhựa 50ml - Chất liệu: nhựa PP y tế - Đóng túi vô trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4.515	2.100	9.481.500
58	Bơm tiêm 50ml cho ăn	- Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Không chứa độc tố DEHP. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4.515	21.635	97.682.025
59	Bơm tiêm 50ml có kim	- Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml - Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS	Cái	4.515	58.950	266.159.250

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
60	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	- Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang 1 nòng. - Bộ sản phẩm đóng gói gồm 1 ống tiêm 200ml, 1 ống hút nhanh chữ J, 1 dây nối áp lực cao dài $\geq 150$ cm - Chất liệu PET trong suốt, không chứa DEHP - Có tiết khuẩn. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	273.000	500	136.500.000
61	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	- Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang. - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 1 xilanh 200ml, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, 1 dây nối áp lực cao dài $\geq 150$ cm - Chất liệu PET trong suốt, không chứa DEHP. - Có tiết khuẩn . - Đạt tiêu chuẩn ISO □	Bộ	273.000	300	81.900.000
62	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	- Bộ xilanh 60ml dùng cho dòng máy bơm thuốc cân quang MRI. - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 2 xilanh 60ml, 1 đầu chuyển spike dài, 1 đầu chuyển spike ngắn, 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài $\geq 250$ cm - Chất liệu PET trong suốt, không chứa DEHP. - Có tiết khuẩn. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	409.500	300	122.850.000
63	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	- Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cân quang. - Bộ sản phẩm đóng gói gồm 1 xilanh 200ml, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, 1 đầu chuyển Spike ngắn, 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài $\geq 150$ cm, - Chất liệu PET trong suốt, không chứa DEHP. - Có tiết khuẩn. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	273.000	300	81.900.000
64	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu	- Vật liệu: Poly (L-Lactic Acid). Đường kính vít: $\geq 7$ mm Chiều dài vít: $\geq 25$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	4.470.000	100	447.000.000
65	Vít chỉ nội soi thân có thể uốn cong khâu sụn viền	Vật liệu: bằng chỉ Hi-Fi số 2 Kích thước: $\leq 1.3$ mm Thân có khả năng uốn cong Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	12.200.000	20	244.000.000
66	Lưỡi cắt, đốt bằng sóng Radio các cỡ	Có chức năng cầm máu bằng sóng Radio trong mô nội soi khớp, có lỗ hút và dây hút. -Được đóng gói tiết trùng và dùng một lần. - Đường kính mặt tiếp xúc đốt và cắt: $\geq 2.8$ mm - Chiều dài làm việc $\geq 135$ mm - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	6.200.000	415	2.573.000.000
67	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy	- Chất liệu: PVC. Dùng trong phẫu thuật nội soi ở khớp - Thiết kế 2 đường vào: Chiều dài $\geq 2,5$ m - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	2.250.000	375	843.750.000
68	Chỉ Siêu bền	-Chỉ siêu bền công nghệ UHMWPE Fiber liền với kim bằng thép y tế. - Cấu trúc được bện $\geq 3$ sợi - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.400.000	240	336.000.000
69	Vít chỉ tự tiêu	-Đường kính vít $\geq 3.1$ mm, - Chất liệu từ nhựa sinh học - Được luồn sẵn với một sợi chỉ Hi-Fi # 2 - Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS	Cái	12.200.000	80	976.000.000
70	Trocal bằng nhựa sử dụng trong nội soi khớp	- Thiết kế có rãnh xoắn, kiểm soát dòng chảy với khóa kín, ống canulla trong suốt - Chất liệu: nhựa - đường kính $\geq 0.6$ mm, đường kính canulla $\geq 6.5$ mm -Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.200.000	116	139.200.000
71	Vít neo cố định chóp xoay	- Vật liệu: PEEK. -Kích thước: Đường kính $\geq 4.5$ mm, - chiều dài neo $\geq 11$ mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	11.000.000	60	660.000.000
72	Vít chỉ tự tiêu	- Vít tự tiêu: Vật liệu: nhựa sinh học - Đường kính $\geq 5,0$ mm, chiều dài vít $\geq 15.3$ mm - Đuôi vít được xâu $\geq 2$ sợi chỉ siêu bền . - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	8.800.000	120	1.056.000.000



STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
73	Lưới bảo dùm trong nội soi khớp các cỡ	Lưới bảo dùm thiết kế rỗng nông - Phần đầu mài có dạng: Răng cưa/ tron/ răng cưa bán phần - Đường kính đầu mài $\geq 2.9\text{mm}$ - Chiều dài làm việc $\geq 82\text{mm}$ . - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4.170.000	415	1.730.550.000
74	Vít neo giữ mảnh ghép gân dài các cỡ	Vật liệu: Vít neo bằng titanium. - Kích thước neo: đường kính $\geq 4,5\text{mm}$ , dài $\geq 13.5\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS	Cái	9.500.000	150	1.425.000.000
75	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày	Kích thước 4 x 12 x 2mm sử dụng cho đường hầm 4.5mm và 4 x 20 x 2mm sử dụng cho đường hầm $\geq 5\text{mm}$ . - Vòng treo có thiết kế mỗi bên 2 sợi dây treo có khả năng chịu lực cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	10.470.000	150	1.570.500.000
76	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi	Kích thước 4 x 12 x 2mm sử dụng cho đường hầm 4.5mm và 4 x 20 x 2mm sử dụng cho đường hầm $\geq 5\text{mm}$ . -Vòng treo có thiết kế mỗi bên 2 sợi dây treo có khả năng chịu lực cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	11.470.000	150	1.720.500.000
77	Vít chỉ đường kính 1.3mm các cỡ	Vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. - Kích thước: Đầu neo có đường kính $\geq 1.3\text{mm}$ . 1 chỉ siêu bền - Chịu được lực căng $\geq 250\text{N}$ . - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	12.200.000	50	610.000.000
78	Vít chỉ khâu sụn chêm	Có $\geq 7$ Vít neo bằng vật liệu PEEK -kèm theo chỉ siêu bền dài $\geq 71\text{cm}$ . - Khâu được $\geq 7$ mũi liên tiếp Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	6.470.000	90	582.300.000
79	Vít neo cố định chóp xoay	Vật liệu: PEEK. - Kích thước: Đường kính $\geq 4.5\text{mm}$ , chiều dài neo $\geq 11\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO □	Cái	11.200.000	60	672.000.000
80	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu kích thích mọc xương các cỡ	Vật liệu: TriCalcium Phosphate kết hợp với nhựa sinh học - Đường kính $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài $\geq 25\text{mm}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS	Cái	4.470.000	70	312.900.000
81	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	- Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mô nội soi khớp. - Vật liệu: nhựa có bộ chip điều khiển được dòng nước - Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS	Cái	1.470.000	120	176.400.000
82	Lưới bảo khớp các loại, các cỡ	- Cửa sổ bảo rộng -Thiết kế có răng hoặc không răng. -Đường kính: $\geq 2.5\text{mm}$ . - Dùng 1 lần, bảo cất lọc mô xơ, thiết kế rỗng nông -Có thể xoay 360 độ - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	5.800.000	90	522.000.000
83	Lưới cắt đốt cao tần	Có lỗ hút nước ra.Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. - Độ gấp góc $\geq 30$ độ. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	6.500.000	90	585.000.000
84	Chỉ siêu bền dùm trong nội soi khớp	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), bề rộng chỉ $\geq 1.40\text{mm}$ . Đạt tiêu chuẩn ISO	Sợi	1.400.000	40	56.000.000
85	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu, các cỡ	Chất liệu: vật liệu sinh học tự tiêu PLDLA. - Thiết kế run cùn - Đường kính $\geq 6\text{mm}$ . - Chiều dài $\geq 20\text{mm}$ . Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4.470.000	30	134.100.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
86	Vít neo cố định dây chằng các cỡ	Thiết kế: 4 lỗ, 2 lỗ giữa cố định cho vòng treo. 2 dây kéo và giặt cân đối hai bên -Chiều dài chốt $\geq 12$ mm. Chiều dài vòng treo gắn $\geq 10$ mm. - Chất liệu: Chốt làm bằng titanium, chỉ bằng UHMWPE. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	9.500.000	30	285.000.000
87	Vít neo cố định khâu sụn chêm	Đầu kim: Chất liệu PEEK. Chi: chất liệu UHMWPE. Đạt tiêu chuẩn ISO <input type="checkbox"/>	Cái	6.470.000	30	194.100.000
88	Vít cố định dây chằng chéo các cỡ	Đường kính $\geq 7$ mm. Chiều dài $\geq 20$ mm. - Chất liệu: peek -Thiết kế ren toàn thân, ren cùn giúp bảo vệ mảnh ghép gân. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	5.600.000	30	168.000.000
89	Trocar chuyên dụng trong nội soi khớp, đk các loại	Thiết kế có rãnh xoắn, kiểm soát dòng chảy với khóa kín, ống canulla trong suốt. - Chất liệu: nhựa - Đường kính công $\geq 0.6$ mm - Đường kính canulla $\geq 6.5$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	1.400.000	30	42.000.000
90	Lưỡi cắt mô chóp xoay khớp vai	Chất liệu: Nitinol. - Dễ dàng neo tái từ hai bên, lên hoặc xuống. - Dễ dàng chụp và truy xuất các neo bằng cách di chuyển đơn từ một cửa số đang hoạt động. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	6.470.000	20	129.400.000
91	Vít neo cố định dây chằng tăng cường	Chất liệu: hợp kim titan - Đường kính: 6 mm - Dài $\geq 20$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	4.600.000	30	138.000.000
92	Vít treo dạng nút cố định dây chằng dùng cho mâm chày, các cỡ	Chất liệu: Nút Titanium được kết nối với vòng polyethylene - Kích thước đường kính $\geq 3.4$ mm, Chiều dài $\geq 13$ mm - Vít tái tạo dây chằng chéo trước được làm từ nút titanium nối với vòng dây polyethylene. -Thiết kế cố định $\geq 4$ điểm, không nút thắt. cơ chế khóa $\geq 4$ nút một chiều - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	10.470.000	30	314.100.000
93	Mũi khoan ngược.	Mũi khoan được dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường $\geq 3.5$ mm. - Có các loại đường kính $\geq 5$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Cái	4.500.000	20	90.000.000
94	Chỉ siêu bền	Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE. - Chỉ dài $\geq 38$ inches liền kim $\geq 26,5$ mm hình dạng 1/2 vòng tròn - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	1.200.000	20	24.000.000
95	Dây dẫn nước dùng trong nội soi khớp	Chiều dài dây nước tính từ máy $\geq 4.8$ m -Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	1.470.000	20	29.400.000
96	Lưỡi bào xương dùng trong nội soi khớp	Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ. Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần - Đường kính $\geq 4$ mm - chiều dài $\geq 13$ cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	4.470.000	20	89.400.000
97	Lưỡi mài xương dùng trong nội soi khớp	Đầu mài có $\geq 8$ rãnh răng - Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ -Đường kính $\geq 4$ mm - chiều dài làm việc $\geq 130$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	4.470.000	20	89.400.000
98	Đầu đốt bằng sóng Radio	Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không rỉ, điện cực được làm bằng thép không rỉ, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic - Đầu đốt $\geq 90$ độ - Có $\geq 6$ cổng để hút ,loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật. - Chiều dài $\geq 160$ mm - đường kính $\geq 3.75$ mm - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	6.200.000	20	124.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
99	Vít treo mảnh ghép gân kèm vòng treo điều chỉnh độ dài	Vật liệu: UHMWPE và titanium. -Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền với $\geq 4$ điểm khóa không thắt nút thích hợp - Nút khóa Titanium chiều rộng $\geq 12$ mm, vòng buộc tối đa $\geq 11$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS	Cái	11.470.000	20	229.400.000
100	Bộ khớp háng bán phần không xi măng.	1. Cuồng khớp: vật liệu Ti-6Al-4V ELI, phù hợp chất Hydroxiapatite (HA) toàn chuỗi, cuồng khớp dài $\geq 115$ mm 2. Chòm khớp: vật liệu Cobalt-Chrome (CoCr): Đường kính $\geq 22$ mm 3. Vỏ đầu chòm: chất liệu Cobalt-Chrome. Kích cỡ $\geq 39$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	35.000.000	220	7.700.000.000
101	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic	1. Cuồng khớp vật liệu Ti-6Al-4V ELI, phù hợp chất Hydroxiapatite (HA) toàn chuỗi, cuồng khớp dài $\geq 115$ mm 2. Chòm khớp: vật liệu Ceramic; Đường kính $\geq 32$ mm 3. Lót ổ cối vật liệu Highly Crosslinked Polyethylene (Poly liên kết chéo XLPE) , có gờ chống trượt 4. Ổ cối chất liệu: Ti6Al4v ELi , phù lớp TPS, kích cỡ: $\geq 48$ mm, chống trượt và chống xoay 5. Vít ổ cối : Ti6Al4v ELi. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	58.000.000	80	4.640.000.000
102	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng, CoCr	1. Cuồng khớp: vật liệu Ti-6Al-4V ELI, phù hợp chất Hydroxiapatite (HA) toàn chuỗi chống xoay và chống trượt, phạm vi chuyển động $\geq 148$ độ; Có rãnh 2. Chòm khớp: vật liệu Cobalt-Chrome (CoCr) kích cỡ: $\geq 32$ mm 3. Lót ổ cối: vật liệu Highly Crosslinked Polyethylene (Poly liên kết chéo XLPE), có gờ chống trượt 4. Ổ cối vật liệu: Ti6Al4v ELi, kích cỡ: $\geq 48$ mm, chống trượt và chống xoay 5. Vít ổ cối : Ti6Al4v ELi. - Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	45.000.000	44	1.980.000.000
103	Khớp gối các loại, các cỡ	Khớp gối toàn phần có xi măng duỗi hoàn toàn góc lên đến $\leq 130$ độ. - Miếng đệm mâm chày có tính di động làm giảm tốc độ bào mòn của polyethylene - Lòai cầu đùi: bằng hợp kim chromium cobalt , có nhiều kích cỡ bên trái và bên phải. - Mâm chày: bằng hợp kim chromium cobalt, có nhiều kích cỡ. - Lót đệm: bằng vật liệu polyethylene, chiều cao $\geq 9$ mm - Xương bánh chè: vật liệu polyethylene cao phân tử, đường kính $\geq 31$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	69.000.000	15	1.035.000.000
104	Khớp gối toàn phần các loại, các cỡ	Khớp gối toàn phần có xi măng. * Lòai cầu xương đùi: - Vật liệu: Cobalt Chromium Độ gấp duỗi $\leq 140$ độ. Có nhiều kích thước * Mâm chày: - Vật liệu: Titanium Ti-6Al-4V Alloy - Kích thước: $\geq 60$ mm * Đệm mâm chày: - Vật liệu: UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene) - Kích thước: có nhiều cỡ với các độ dày khác nhau: $\geq 10$ mm * Xương bánh chè: - Vật liệu: UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene) - Kích thước: các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	53.000.000	20	1.060.000.000
105	Bộ Khớp háng bán phần không xi măng	1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: Titanium/ hợp kim titanium Ti6Al4V - Kích cỡ chuôi $\geq 8$ mm 2. Chòm khớp háng: - Chất liệu: Cobalt-chromium - Đường kính $\geq 22$ mm 3. Ổ cối lưỡng cực: - Chất liệu: polyethylene - Kích thước đường kính ngoài $\geq 39$ mm - Đạt tiêu chuẩn ISO , có 2CFS tại các nước châu âu	Bộ	43.000.000	100	4.300.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
106	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Cuống xương đùi: có nhiều kích cỡ, chiều dài $\geq 182$ mm, có rãnh. - Chất liệu: hợp kim titanium, phủ HAP (Hydroxyapatite). Góc cổ chuỗi $\geq 135$ độ 2. Đầu xương đùi : Chất liệu: Thép không rỉ, kích cỡ $\geq 22$ mm 3. Chòm xương đùi: Chất liệu: Thép không rỉ và polyethylene UHMWPE với vòng khoá đầu xương đùi $\geq \emptyset 22$ mm, với các size: $\geq 40$ mm Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	52.000.000	60	3.120.000.000
107	Khớp háng bán phần không xi măng.	1. Cuống xương đùi : có nhiều kích cỡ. Thân chuỗi có rãnh. Chất liệu: hợp kim titanium. Góc cổ chuỗi $\geq 135$ độ. 2. Đầu xương đùi: Chất liệu: Thép không rỉ kích cỡ $\geq 22$ mm. 3. Chòm xương đùi: Chất liệu: Thép không rỉ và polyethylene UHMWPE với vòng khoá đầu xương đùi $\geq \emptyset 22$ mm Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	38.000.000	90	3.420.000.000
108	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần không xi măng di động kép * Cuống chòm xương đùi: - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatite toàn bộ chuỗi * Chòm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính $\geq 28$ mm * Vỏ đầu chòm làm bằng thép không gỉ, kích thước $\geq 39$ mm * Lót đầu chòm làm bằng polyetylen cao phân tử (P.E. UHMWPE). Kích thước $\geq 39$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	41.000.000	80	3.280.000.000
109	Khớp háng bán phần các loại, các cỡ	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài di động kép * Cuống chòm xương đùi: chất liệu Titanium alloy, phủ Hydro Apatite toàn bộ chuỗi, xẻ rãnh đầu xa. Dài $\geq 175$ mm * Chòm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính $\geq 28$ mm * Vỏ đầu chòm làm bằng thép không gỉ, kích thước $\geq 39$ mm * Lót đầu chòm làm bằng polyetylen cao phân tử (P.E. UHMWPE). kích thước $\geq 39$ mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	53.000.000	100	5.300.000.000
110	Khớp háng bán phần có xi măng chuỗi dài	Cuống xương đùi vật liệu CoCr, góc cổ chuỗi $\geq 135^\circ$ Chiều dài: $\geq 135$ mm - Chòm: chất liệu CoCr - Chòm lưỡng cực chất liệu CoCr Kích thước $\geq 39$ mm, đường kính trong $\geq 28$ mm. - Xi măng xương có kháng sinh - Nút chặn xi măng bằng nhựa Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	50.000.000	20	1.000.000.000
111	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ HA	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần. Góc cổ chuỗi $\geq 135$ độ 2. Chòm chất liệu CoCrMo , đường kính $\geq 22$ mm Chòm kép bên ngoài chất liệu bằng CoCrMo , bên trong bằng nhựa, đường kính ngoài $\geq 38$ mm - Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS	Cái	45.000.000	10	450.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
112	Bộ khớp háng thay lại toàn phần không xi măng,	<p>1. Cuống xương đùi :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Titanium Alloy</li> <li>- Góc cổ chuỗi : <math>\geq 130^\circ</math>.</li> <li>- Cổ xương đùi có cạnh hoặc không cạnh-tuỳ chỉnh hướng 360 độ, kích cỡ: độ dài <math>\geq 50</math> mm.</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : gốm Ceramic</li> </ul> <p>3.Ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ cối phía trong có khuyết hãm và vít chốt an toàn, dạng mô đụn, tuỳ chỉnh xoay tại 6 vị trí, kích cỡ: <math>\geq 48</math> mm</li> <li>- Vỏ ổ cối chất liệu titan, cấu tạo dạng mô đụn, đa tầng, không xi măng có 2 loại đai dài: 45mm và 60 mm, kích cỡ: <math>\geq 48</math>mm</li> <li>-Vít ổ cối, kích thước từ <math>\geq 15</math>mm</li> </ul> <p>4. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), có chống trật</li> <li>- Đường kính trong: <math>\geq 28</math> mm.</li> <li>- Đường kính ngoài : tương thích kích cỡ ổ cối.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO , có CFS</p>	Bộ	171.500.000	10	1.715.000.000
113	Bộ khớp háng thay lại toàn phần không xi măng, Ceramic on PE các cỡ	<p>1. Cuống xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Titanium Alloy.</li> <li>- Góc cổ chuỗi: <math>\geq 130^\circ</math>.</li> <li>- Cổ xương đùi có cạnh hoặc không cạnh-tuỳ chỉnh hướng 360 độ, độ dài: <math>\geq 50</math> mm.</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : gốm Ceramic</li> <li>- Đường kính : <math>\geq 28</math>mm</li> </ul> <p>3.Ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ cối phía trong có khuyết hãm và vít chốt an toàn, dạng mô đụn, tuỳ chỉnh xoay tại 6 vị trí, kích cỡ: <math>\geq 48</math> mm</li> <li>- Vỏ ổ cối chất liệu titan, cấu tạo dạng mô đụn, đa tầng, không xi măng có đai, móc, có 2 loại đai dài: 45mm và 60 mm, kích cỡ: <math>\geq 48</math> mm</li> <li>-Vít ổ cối, kích thước từ 15-100mm</li> </ul> <p>4. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), chống trật 0-20 độ</li> <li>- Đường kính trong : <math>\geq 28</math> mm.</li> <li>- Đường kính ngoài : tương thích kích cỡ ổ cối.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS</p>	Bộ	146.500.000	2	293.000.000
114	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>1. Chuôi xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium/ hợp kim titanium Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ chuỗi <math>\geq 8</math> mm</li> </ul> <p>2. Chòm khớp háng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chromium</li> <li>- Đường kính <math>\geq 28</math> mm, size các cỡ</li> </ul> <p>3. Lớp đệm ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polyethylene.</li> </ul> <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 40</math> mm</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium/ hợp kim titanium Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính 6.5mm; chiều dài <math>\geq 16</math> mm</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO , có 2CFS tại các nước Châu Âu</p>	Bộ	62.600.000	30	1.878.000.000
115	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic	<p>1. Chuôi xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium/ hợp kim titanium Ti6Al4V</li> <li>- Kích cỡ chuỗi <math>\geq 8</math>mm</li> </ul> <p>2. Chòm khớp háng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: ceramic</li> <li>- Đường kính <math>\geq 28</math> mm</li> </ul> <p>3. Lớp đệm ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polyethylene.</li> </ul> <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy</li> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 40</math> mm</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính 6.5mm; chiều dài <math>\geq 16</math>mm.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, có 2CFS tại các nước Châu Âu</p>	Bộ	72.600.000	20	1.452.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
116	Khớp háng toàn phần không xi măng công nghệ phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic.	1. Chuôi xương đùi: - Chất liệu: titanium alloy - Kích cỡ chuôi $\geq 8$ mm 2. Chòm khớp háng: - Chất liệu: ceramic - Đường kính $\geq 28$ mm 3. Lớp đệm ổ cối: - Chất liệu: ceramic 4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: - Chất liệu: Titanium alloy - Kích cỡ: $\geq 40$ mm 5. Vít ổ cối : - Chất liệu: Titanium alloy - Kích cỡ: Đường kính $\geq 6,5$ mm; chiều dài $\geq 16$ mm Đạt tiêu chuẩn ISO , có 2CFS tại các nước Châu Âu	Bộ	75.700.000	20	1.514.000.000
117	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic.	1. Cuống xương đùi : Chất liệu: Titanium Alloy , được phủ HA (Hydroxyapatide), thân chuôi có rãnh. Kích thước: các cỡ. Góc cổ chuôi: $\geq 135^\circ$ . 2. Đầu xương đùi : Chất liệu: Ceramic , kích thước $\geq 32$ mm . 3. Ổ cối: Chất liệu: Titanium Alloy. 4. Lớp đệm ổ cối: Chất liệu: ceramic. Đường kính trong của lớp đệm $\geq 32$ mm. 5. Vít dài $\geq 20$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	84.000.000	20	1.680.000.000
118	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly.	Cuống xương đùi: Chất liệu: Titanium Alloy , được phủ HA (Hydroxyapatide), thân chuôi có rãnh . Kích thước: các cỡ. Góc cổ chuôi: $\geq 135^\circ$ Đầu xương đùi: Chất liệu: Ceramic, kích thước $\geq 32$ mm. Ổ cối , Lớp đệm ổ cối và vít: Chất liệu: TA6V Titanium Alloy theo tiêu chuẩn ISO, phủ T40 $\geq 400\mu\text{m}$ và HAP $\geq 80\mu\text{m}$ , có gờ biên để đảm bảo độ vững chắc khi đặt. Kích cỡ: $\geq 46$ mm. Chất liệu: Polyethylene. Đường kính trong của lớp đệm $\geq 32$ mm và vít dài $\geq 20$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	70.800.000	50	3.540.000.000
119	Khớp háng toàn phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương	Cuống xương đùi: Chất liệu: Titanium Alloy TA6V được phủ HA (Hydroxyapatide), thân chuôi có rãnh. Kích thước: các cỡ. Góc cổ chuôi: $\geq 135^\circ$ . Đầu xương đùi: Chất liệu: Co-Cr, kích thước $\geq 32$ mm. Ổ cối , Lớp đệm ổ cối và vít: Chất liệu: TA6V Titanium Alloy theo tiêu chuẩn ISO, phủ, có gờ biên để đảm bảo độ vững chắc khi đặt. Kích cỡ: $\geq 46$ mm. Chất liệu: Polyethylene. Đường kính trong của lớp đệm $\geq 32$ mm và vít dài $\geq 20$ mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	62.000.000	45	2.790.000.000
120	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	1. Đầu xương đùi : Chất liệu: Thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính $\geq 22,2$ mm: 2. Lớp đệm: Vật liệu: Polyethylene 3. Ổ cối: Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome. Kích cỡ: $\geq 44$ mm 4. Chuôi xương đùi : Góc cổ chuôi $\geq 135$ độ. Vật liệu: hợp kim Titanium , được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Kích thước: các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	65.350.000	50	3.267.500.000
121	Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ	Khớp háng toàn phần không xi măng * Cuống chòm xương đùi: - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatide toàn bộ chuôi. * Chòm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đường kính $\geq 28$ mm * ổ cối: - Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ. Kích thước $\geq 44$ mm * Lót ổ cối: - Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene. * Vít ổ cối: - Vật liệu: titanium, đường kính 6.5mm, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS	Bộ	53.000.000	25	1.325.000.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
122	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE	<p>* Cuồng chòm xương đùi:  - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatide toàn bộ chuỗi  - Kích thước: số 8-16.  - Cấu tạo: Góc nghiêng <math>\geq 135</math> độ, trên thân xẻ rãnh</p> <p>* Chòm xương đùi:  - Vật liệu: CERAMIC (sứ)  - Kích thước: Đường kính <math>\geq 28</math>mm.  * Ổ cối:  - Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ.  - Kích thước: <math>\geq 44</math>mm.  * Lót ổ cối:  - Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene  - Đường kính trong: <math>\geq 28</math> mm. Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối  * Vít ổ cối:  Vít bằng titanium, đường kính 6.5mm, các cỡ.  Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS</p>	Bộ	62.500.000	30	1.875.000.000
123	Khớp vai các loại, các cỡ	<p>1. Chuôi cánh tay không xi măng  - Vật liệu : (Ti6Al4V) với L 80 mm  - Đu các các loại với đường kính x chiều dài</p> <p>2. Đầu cánh tay với khoá  - Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá  - Đường kính : <math>\geq 40</math> mm.</p> <p>3. Ổ chảo :  - Cấu tạo bởi chòm khớp : hợp kim Ti6Al4V + PoroTi phủ HA, bên trong chòm cấu tạo bởi chất liệu với 2 loại: CoCrMo và Ti6Al4V  Phân ổ chảo : Polyethylene cao phân tử (UHMWPE)/ thép không rỉ, kích thước <math>\geq 36</math>mm</p> <p>4. Vít xương: chất liệu Titan (Ti6Al4V) đường kính 6.5mm, dài <math>\geq 20</math>mm.  - Đạt tiêu chuẩn ISO, có CFS</p>	Bộ	133.000.000	10	1.330.000.000
<b>Tổng cộng: 123 mặt hàng</b>						<b>127.231.556.275</b>